

Số: 1253 /QĐ-XHNV-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn học phí học kỳ I, năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu Trưởng các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia được quy định trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên” của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ đơn đề xuất miễn học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

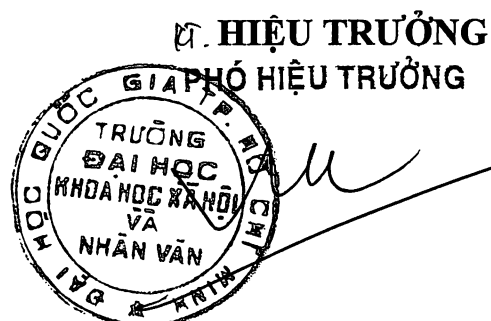
Điều 1. Chuẩn y danh sách miễn học phí trong học kỳ I, năm học 2021 - 2022 đối với 180 (một trăm tám mươi) sinh viên thuộc đối tượng miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đính kèm danh sách).

Điều 2. Chính sách miễn học phí được thực hiện từ học kỳ I, năm học 2021 - 2022.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *bn*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-TH, CTSV *lv*



Phan Thanh Định



Phụ lục

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 953/QĐ-XHNV-CTSV ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
1	1757070051	Phạm Thị	Vân	22/07/1998	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	CTB	Kinh	
2	1756090081	Triệu Thị	Mai	19/8/1999	Xã hội học	DTHN	Tày	
3	1856020011	Y LỚP Ê	CẨM	02/06/1999	Ngôn ngữ học	CBB	Kinh	
4	1856180002	Đào Thị Phác	Hương	14/10/2000	Quản trị DVDL&LH	CBB	Kinh	
5	1856090106	Võ Thị Hồng	Nhung	02/05/2000	Xã hội học	CMC	Kinh	
6	1856180080	Nguyễn Thị Mẫu	Đon	24/04/2000	Quản trị DVDL&LH	CMC	Kinh	
7	1856200025	Lê Trần Yến	Thanh	21/1/2000	Hàn Quốc học	CMC	Kinh	
8	1856030145	Nguyễn Thị Thanh	Phương	27/12/2000	Báo chí	CTB	Kinh	
9	1856030180	Nguyễn Thị Thanh	Tú	15/11/2000	Báo chí	CTB	Kinh	
10	1856080047	Kiều Thị Trang	Huyền	14/7/2000	Địa lý học	CTB	Kinh	
11	1856110156	Trần Thị Minh	Xuyến	15/01/1999	Đông phương học	CTB	Kinh	
12	1856130017	Phan Thị Trúc	Đào	25/9/2000	Lưu trữ học	CTB	Kinh	
13	1856160018	Hà Quốc	Nhật	03/02/2000	Tâm lý học	CTB	Kinh	
14	1856160108	Lê Thị Yêu	Thương	22/07/2000	Tâm lý học	CTB	Kinh	
15	1856190010	Nguyễn Khánh	Mai	11/05/2000	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
16	1856190020	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	03/06/2000	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
17	1857010071	Lê Hoàng Mỹ	Trâm	22/02/2000	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
18	1857010217	Trương Diệu	Linh	08/10/2000	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	



15

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
19	1857010316	Phan Ngọc Anh	Thư	28/9/2000	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
20	1857020010	Nguyễn Thành	Danh	17/5/2000	Ngôn ngữ Nga	CTB	Kinh	
21	1857030101	Nguyễn Hương	Xuân	15/5/2000	Ngôn ngữ Pháp	CTB	Kinh	
22	1857040082	Phạm Hà Phương	Lam	02/01/2000	Ngôn ngữ Trung Quốc	CTB	Kinh	
23	1857060149	Nguyễn Bình Thảo	Nguyên	20/9/2000	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
24	1857060154	Trần Thị Ngọc	Nhật	15/9/2000	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
25	1857060170	Đặng Ngọc Mai	Phương	23/3/2000	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
26	1857080005	Lê Thái	Bảo	08/12/2000	Ngôn ngữ Italia	CTB	Kinh	
27	1856030149	Long Thị	Quyên	16/6/2000	Báo chí	DTHN	Nùng	
28	1856070027	H Nữ	Kbuôr	08/10/2000	Triết học	DTHN	Ê đê	
29	1856090014	Trần Thị Tuyết	Duy	28/7/1999	Xã hội học	DTHN	Khơmer	
30	1856090018	Lâm Thị Trang	Ni	25/03/1999	Xã hội học	DTHN	Khơmer	
31	1856090021	Chamaleá Thị	Thuế	18/9/1998	Xã hội học	DTHN	Raglai	
32	1856110076	H Buôn Ma	Hra	13/12/2000	Đông phương học	DTHN	Ê đê	
33	1856130006	H' Hương	KBuôr	01/01/1998	Lưu trữ học	DTHN	Mnông	
34	1856130008	Bá Nữ Vy	Phấn	05/06/1999	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	
35	1856130009	Bá Thị Bích	Thương	10/8/1999	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	
36	1856150006	Lý Thị	Huệ	06/10/1999	Công tác xã hội	DTHN	Nùng	
37	1856180046	Kiều Nữ Diệu	Linh	28/08/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	
38	1856180060	Kim Thị	Tinh	30/09/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Khơ me	
39	1856180061	Ka	Triệu	12/11/1999	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Nộp	
40	1856200052	Từ Nữ Quốc	Doanh	22/6/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
41	1856200081	Sơn Thị Thanh	Ngân	16/04/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Khơ me	
42	1856180145	Nghiêm Thu	Thảo	20/02/2000	Quản trị DVDL&LH	DTTS	Ngái	
43	1856150100	Trần Thị	Trà	1/3/2000	Công tác xã hội	KTAT	Kinh	
44	1956010137	Hà Thị Phương	Ly	22/08/2001	Văn học	CTB	Kinh	Từ HKI năm học 2019-2020
45	1956020148	Lưu Nguyệt Băng	Tâm	22/1/2001	Ngôn ngữ học	CTB	Kinh	
46	1956040003	Nguyễn Diệu	My	01/01/2001	Lịch sử	CĐHH	Kinh	
47	1956040121	Linh Phụng Thiên	Trang	26/06/2001	Lịch sử	DTHN	Thổ	
48	1956050097	Nguyễn Cát	Tường	9/5/2001	Truyền thông đa phương tiện	CTB	Kinh	
49	1956050100	Thái Duy	Thọ	20/4/2001	Truyền thông đa phương tiện	DTHN	Thổ	
50	1956060063	Lý Thị Hoài	Ngọc	10/10/2001	Nhân học	DTHN	Chơ ro	
51	1956060094	Huỳnh Thị	Vón	25/2/2001	Nhân học	DTHN	Chăm	
52	1956080062	Sâm Hồng	Hà	21/02/2001	Địa lý học	DTHN	Hoa	
53	1956090082	Lã Hà Minh	Trang	26/03/2001	Xã hội học	CTB	Kinh	
54	1956090095	Y	Diễm	7/5/2000	Xã hội học	DTHN	Ha Lãng	
55	1956090096	Lộ Minh	Kiên	22/7/2000	Xã hội học	DTHN	Chăm	
56	1956090098	Huỳnh Thị Kim	Ngân	18/5/2000	Xã hội học	DTHN	Khơ me	
57	1956090148	Nguyễn Thị Kim	Hương	30/10/2001	Xã hội học	DTHN	Tày	
58	1956090161	Dương Hải	Lâm	28/2/2001	Xã hội học	CTB	Kinh	
59	1956090178	Đoàn Thị Thúy	Nga	24/03/2001	Xã hội học	DTHN	Tày	
60	1956090212	Cổ Thanh	Tâm	01/11/2001	Xã hội học	CTB	Kinh	
61	1956090242	Nguyễn Thị Quỳnh	Trân	09/03/2001	Xã hội học	CMC	Kinh	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
62	1956110137	K'	Sởnh	15/04/2000	Đông phương học	DTHN	Cơ ho	
63	1956110139	Lê Quỳnh	Anh	4/12/2001	Đông phương học	CTB	Kinh	
64	1956120114	Nguyễn Hữu	Niên	05/02/2001	Giáo dục học	CMC	Kinh	
65	1956130031	H' Ngọc Sương	HMök	04/06/2000	Lưu trữ học	DTHN	Ê đê	
66	1956130032	Nguyễn Thị Thanh	Văn	08/11/2000	Lưu trữ học	DTHN	Chăm	
67	1956140057	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/03/2001	Văn hóa học	BVTQ	Kinh	
68	1956140079	Lưu Thị	Mai	14/4/2001	Văn hóa học	DTHN	Nùng	
69	1956140087	Huỳnh Lê Đông	Nghi	21/5/2001	Văn hóa học	CMC	Kinh	
70	1956140101	Hoàng Phan Ngọc	Sơn	09/12/2000	Văn hóa học	CBB	Kinh	
71	1956140117	Lê Thị	Trinh	13/09/2001	Văn hóa học	DTHN	Nùng	
72	1956150053	Thị	Phượng	9/4/1999	Công tác xã hội	DTHN	Mnông	
73	1956160038	Lưu Gia	Lệ	7/12/2001	Tâm lý học	DTHN	Hoa	
74	1956160112	H Mĩl	Byã	16/2/2000	Tâm lý học	DTHN	Ê đê	
75	1956160114	Trần Thị	Thanh	01/06/2000	Tâm lý học	DTHN	Raglai	
76	1956160115	Nông Thị Thu	Thảo	07/01/2000	Tâm lý học	DTHN	Nùng	
77	1956160149	Nguyễn Việt	Hoàng	28/2/2001	Tâm lý học	CTB	Kinh	
78	1956180017	Trần Thị Như	Ngọc	19/9/2001	Quản trị DVDL&LH	CMC	Kinh	
79	1956180093	Hà Thị	Liễu	2/9/2000	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	
80	1956180096	Hứa Thị Thu	Thương	1/8/2000	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	
81	1956190100	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	11/01/2001	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
82	1956200102	Võ Khánh	Tuyền	21/11/2001	Hàn Quốc học	CMC	Kinh	
83	1956200128	Nông Thanh	Trinh	03/07/2000	Hàn Quốc học	DTHN	Ngái	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
84	1956200245	Lê Đào Minh	Trâm	26/6/2000	Hàn Quốc học	CTB	Kinh	
85	1957010216	Trần Ngọc	Ánh	04/03/2001	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
86	1957010225	Phạm Trần Quốc	Chiến	01/01/2001	Ngôn ngữ Anh	CMC	Kinh	
87	1957010239	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	01/01/2001	Ngôn ngữ Anh	CMC	Kinh	
88	1957011024	Ngô Thanh	Quế	05/04/2001	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
89	1957011159	Trương Thị Bảo	Ngọc	09/09/2001	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
90	1957040146	Đinh Thị Hồng	Anh	15/11/2000	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	
91	1957040185	Đàm Thị Thanh	Hằng	14/10/2001	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	
92	1957061059	Đỗ Đình Phương	Nguyên	27/10/2001	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
93	2056010025	Đinh Thị Thúy	Huyền	13/09/2002	Văn học	CTB	Kinh	
94	2056010128	Nông Thị Kim	Liên	03/01/2002	Văn học	DTHN	Nùng	
95	2056010203	Trương Thị Thùy	Trinh	14/04/2002	Văn học	DTHN	Mường	
96	2056020090	Neàng	Nhây	05/06/2002	Ngôn ngữ học	DTHN	Khơ me	
97	2056030145	Bùi Thị Thanh	Nhi	13/03/2002	Báo chí	CTB	Kinh	
98	2056031054	Hoàng Mai	Anh	03/11/2002	Báo chí	CTB	Kinh	
99	2056031071	Lê Nguyễn Thảo	Linh	01/10/2002	Báo chí	CLS	Kinh	
100	2056031093	Dương Quang	Thông	17/12/2002	Báo chí	CTB	Kinh	
101	2056060069	Tăng Thị	Thái	17/01/2001	Nhân học	DTHN	Khơ me	
102	2056080146	Hoàng Thị	Vượng	26/03/2002	Địa lý học	DTHN	Nùng	
103	2056090077	Pou Bry K'	Byis	02/03/200	Xã hội học	DTHN	Cơ ho	
104	2056090079	Rơ Châm	Het	21/09/1998	Xã hội học	DTHN	Ja rai	
105	2056090080	Trần Văn	Hiếu	05/04/2001	Xã hội học	DTHN	Rag lai	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
106	2056090187	Nguyễn Hồng Kim	Phụng	26/05/2002	Xã hội học	CMC	Kinh	
107	2056090198	Nguyễn Văn	Sỹ	30/05/2001	Xã hội học	CTB	Kinh	
108	2056110120	Bế Thị Ánh	Tuyết	22/09/2001	Đông phương học	DTHN	Tày	
109	2056110192	Nguyễn Thị	Mừng	26/05/2002	Đông phương học	CTB	Kinh	
110	2056110212	Danh Hải	Ngọc	07/04/2002	Đông phương học	DTHN	Khơ me	
111	2056120095	Nguyễn Thị Dương	Hiếu	26/09/2002	Giáo dục học	CTB	Kinh	
112	2056130020	Kpã H'	Nuen	27/01/2001	Lưu trữ học	DTHN	Ja rai	
113	2056160077	Mai Uyên	Thư	12/11/2002	Tâm lý học	CTB	Kinh	
114	2056160094	Võ Khánh	Duy	03/10/2002	Tâm lý học	KTAT	Kinh	
115	2056160186	Huỳnh Hoa Thanh	Thương	31/07/2002	Tâm lý học	CTB	Kinh	
116	2056170029	Kiều Hoàng	Bin	12/12/2002	Đô thị học	DTHN	Chăm	
117	2056170050	Nguyễn Thị Thảo	Lam	25/05/2001	Đô thị học	CTB	Kinh	
118	2056180086	Đạt Thị Hồng	Nhị	02/12/2001	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Chăm	
119	2056180087	Hoàng Huỳnh Minh	Thư	03/10/2001	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	
120	2056180114	Thạch Thị Phước	Duyên	06/02/2002	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Khơ me	
121	2056180123	Nông Hồng	Hạnh	16/02/2002	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Tày	
122	2056180153	Hồ Thị Nhật	Linh	16/02/2002	Quản trị DVDL&LH	CMC	Kinh	
123	2056190035	Từ Chí	Hào	16/03/2002	Nhật Bản học	DTHN	Hoa	
124	2056190062	Trần Ngọc Trâm	Anh	30/05/2002	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
125	2056190063	Trần Chí	Bảo	24/05/2002	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
126	2056190136	Đoàn Đình Anh	Thương	09/11/2002	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
127	2056200112	Đình Thị	Duyên	26/08/2002	Hàn Quốc học	CTB	Kinh	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
128	2056200132	Trịnh Kim	Hoàng	20/04/2002	Hàn Quốc học	CTB	Kinh	
129	2056200135	Dương Thanh	Hương	18/04/2002	Hàn Quốc học	CTB	Kinh	
130	2056210072	Phan Văn	Đạt	20/06/2002	Quản lý thông tin	CMC	Kinh	
131	2057010121	Từ Thị Như	Ý	13/04/2001	Ngôn ngữ Anh	DTHN	Chăm	
132	2057010154	Đoàn Thị Ngọc	Hân	15/12/2002	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
133	2057010238	Ngô Thị	Quý	29/10/2002	Ngôn ngữ Anh	CBB	Kinh	
134	2057030079	Phạm Thị Quỳnh	Giang	27/05/2002	Ngôn ngữ Pháp	CMC	Kinh	
135	2057040140	Hoàng Thị Mai	Huê	03/06/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Nùng	
136	2057040170	Bùi Thị Lệ	Nga	20/08/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	CTB	Kinh	
137	2057040216	Dương Thu	Thùy	12/06/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Tày	
138	2057061006	Nguyễn Hoàng Như	Hào	23/03/2002	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
139	2057061060	Dương Bảo	Vy	16/10/2002	Quan hệ Quốc tế	CTB	Kinh	
140	2156010138	Đinh Phạm Gia	An	12/12/2003	Văn học	CĐHH	Kinh	
141	2156010211	Trần Hồng	Nhung	11/10/2003	Văn học	CBB	Kinh	
142	2156030174	Hồ Thị	Nhường	15/05/2003	Báo chí	DTHN	dân tộc khác	
143	2156030182	Lý Nguyễn Minh	Tân	30/07/2003	Báo chí	DTHN	dân tộc khác	
144	2156050087	Lương Thị	Đẹp	13/03/2003	Truyền thông đa phương tiện	DTHN	Nùng	
145	2156060097	Bùi Lê Minh	Trường	14/08/2003	Nhân học	DTHN	Mường	
146	2156070047	Nguyễn Văn	Kiệt	27/08/2003	Triết học	CMC	Kinh	
147	2156090140	Ksor H'	Tuyên	26/12/2001	Xã hội học	DTHN	Gia rai	
148	2156090227	Hồ Văn	Tài	20/02/2003	Xã hội học	DTHN	Vân Kiều	
149	2156110109	Quách Mai	Phương	23/05/2003	Đông phương học	CMC	Kinh	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
150	2156110183	Ma Thị Ngọc	Mai	15/10/2002	Đông phương học	DTHN	Tày	
151	2156110185	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	06/10/2002	Đông phương học	DTTS	Chứt	
152	2156110268	Trần Kim	Ngân	23/03/2003	Đông phương học	CTB	Kinh	
153	2156120151	Huỳnh Thị Như	Ý	01/08/2003	Giáo dục học	CTB	Kinh	
154	2156140179	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	27/08/2003	Văn hóa học	CTB	Kinh	
155	2156150062	Nguyễn Thị Vân	Anh	09/06/2003	Công tác xã hội	CTB	Kinh	
156	2156150074	Triệu Thị Thùy	Dương	10/05/2003	Công tác xã hội	DTHN	Tày	
157	2156170088	Kiều Hà	Khương	09/05/2003	Đô thị học	DTHN	Chăm	
158	2156180164	Hồ Thị	Luyên	08/04/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Pa cô	
159	2156180171	Hoàng Bích	Nương	03/11/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Thái	
160	2156180188	Phạm Thị	Phương	24/06/2003	Quản trị DVDL&LH	DTHN	Thái	
161	2156190039	Đặng Kim	Ngân	09/09/2003	Nhật Bản học	CTB	Kinh	
162	2156200039	Nguyễn Hồng	Ngân	31/05/2002	Hàn Quốc học	CMC	Kinh	
163	2156200101	Thành Thị Kim	Đặng	01/09/2001	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	
164	2156200107	Đạo Thị Kim	Nguyễn	09/05/2002	Hàn Quốc học	DTHN	Chăm	
165	2156200114	Hoàng Thị Lan	Anh	13/03/2003	Hàn Quốc học	DTHN	Tày	
166	2156200200	Phạm Thị Thi	Thi	02/08/2003	Hàn Quốc học	CTB	Kinh	
167	2156210077	Nguyễn Min	Thuận	28/02/2003	Quản lý thông tin	CTB	Kinh	
168	2156230094	Vi Thị Vân	Anh	06/12/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Thái	
169	2156230108	Vi Thị Thu	Huyền	26/06/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Thái	
170	2156230117	Lê Thị	Mến	06/01/2003	Quản trị văn phòng	CTB	Kinh	
171	2156230129	Mông Thị Hồng	Phượng	18/07/2003	Quản trị văn phòng	DTHN	Tày	

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
172	2157010008	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	06/05/2003	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
173	2157010186	Siu	Hiên	12/05/2002	Ngôn ngữ Anh	DTHN	J rai	
174	2157010224	Nguyễn Thị Thuý	Dương	06/11/2003	Ngôn ngữ Anh	KTAT	Kinh	
175	2157010331	Châu Thị Kim	Thanh	02/03/2003	Ngôn ngữ Anh	DTHN	Chăm	
176	2157011208	Vũ Quang	Vinh	30/09/2003	Ngôn ngữ Anh	CTB	Kinh	
177	2157020060	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	24/05/2003	Ngôn ngữ Nga	CTB	Kinh	
178	2157030096	Lê Phạm Gia	Hân	18/01/2003	Ngôn ngữ Pháp	CMC	Kinh	
179	2157040142	Hoàng Thị Thu	Vân	16/05/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	DTHN	Nùng	
180	2157041069	Phan Đoan	Nghi	16/06/2003	Ngôn ngữ Trung Quốc	CTB	Kinh	

Danh sách này có 180 sinh viên. *lwl*

Ghi chú:

CTB: Đối tượng sinh viên là con của thương binh

CBB: Đối tượng sinh viên là con của bệnh binh

CĐHH: Đối tượng sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học

CNTB: Đối tượng sinh viên là con của người hưởng chính sách như thương binh

BVTQ: Đối tượng sinh viên là con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế

CMC: Đối tượng sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ

DTTS: Đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn

KTAT: Đối tượng sinh viên bị tàn tật, khuyết tật diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ./.